CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn Đua Fat

Ngày 30/06/2025	1,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.7%	-	-

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,200 - 9,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	96
Số lượng CPLH (CP)	80,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	182,585
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	1.19
EPS	-7,344
P/E	-0.2

DT thuần
Q2/25
44.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼30.3| -40.7%
YoY: ▲ 10.7| 31.9%

LN thuần
Q2/25
-237
tỷ VNĐ
QoQ: ▼120| -103%
YoY: ▼123| -108%

LN sau thuế
Q2/25
-203
tỷ VNĐ
QoQ: ▼86.0| -73.9%
YoY: ▼89.0| -78.5%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
-387%
YoY: +/-▼ 302%

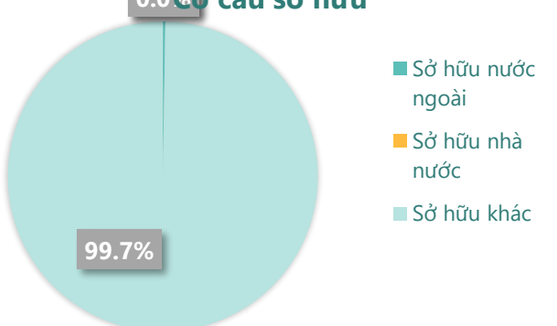
ROE (TTM)
Q2/25
-243%
YoY: +/-▼ 119%

DT thuần
6T 2025
119
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 37.5| 45.7%

LN thuần
6T 2025
-354
tỷ VNĐ
YoY: ▼220| -164%

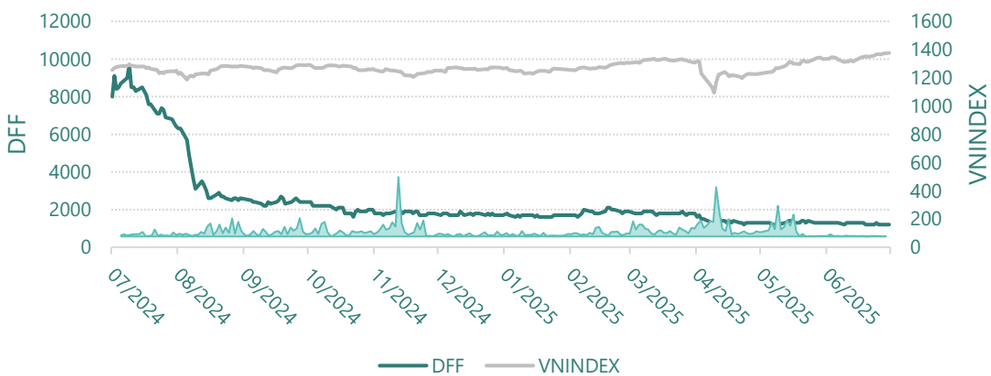
LN sau thuế
6T 2025
-320
tỷ VNĐ
YoY: ▼185| -137%

Cơ cấu sở hữu

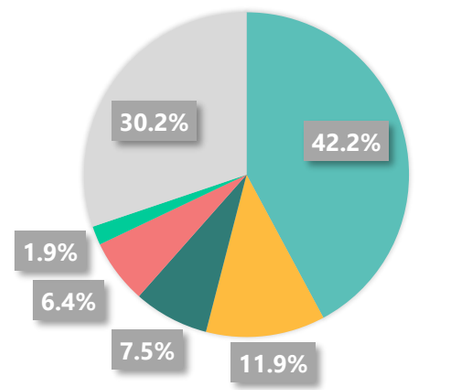


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



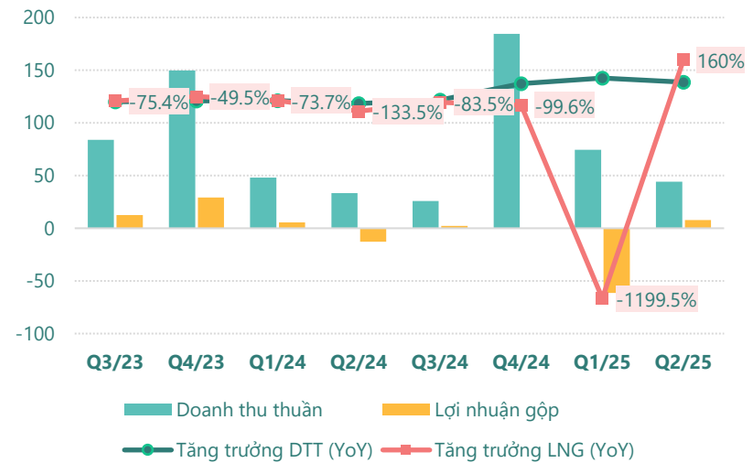
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

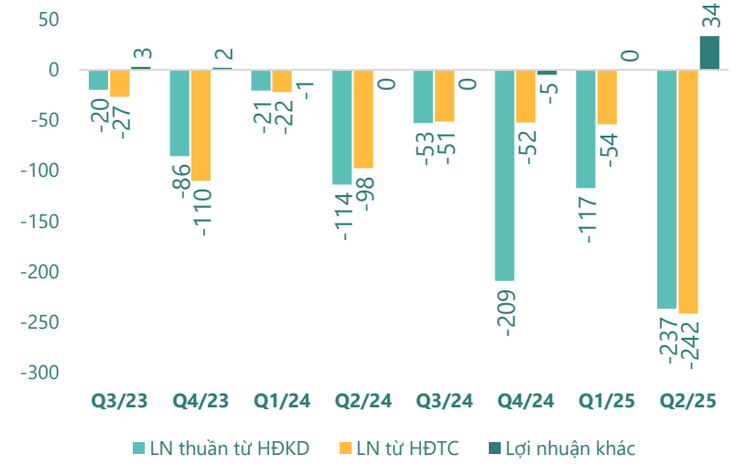
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



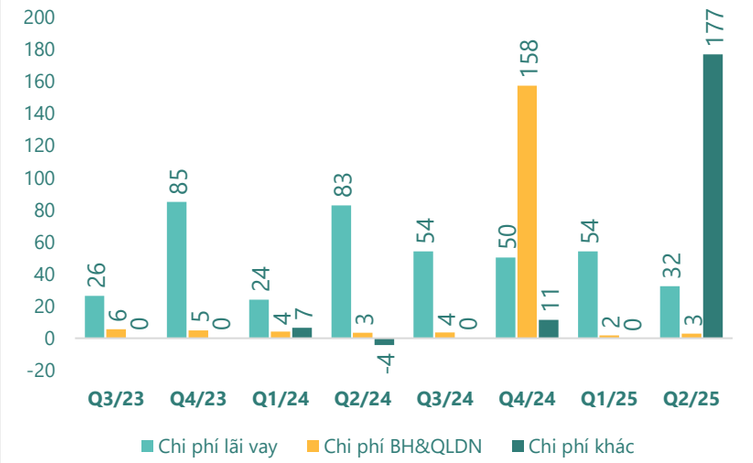
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



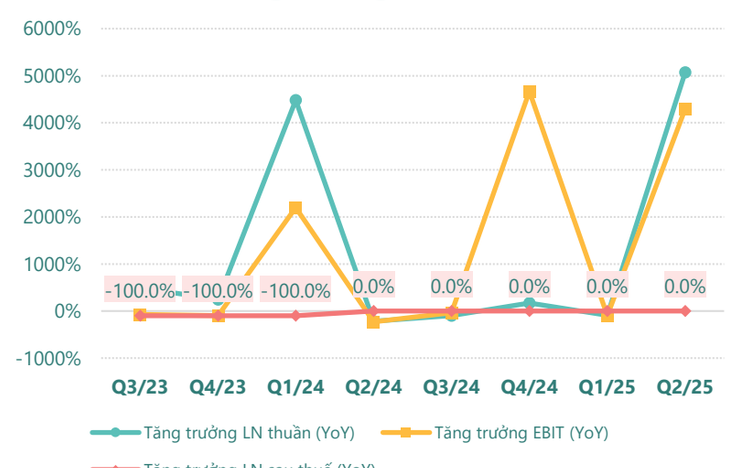
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



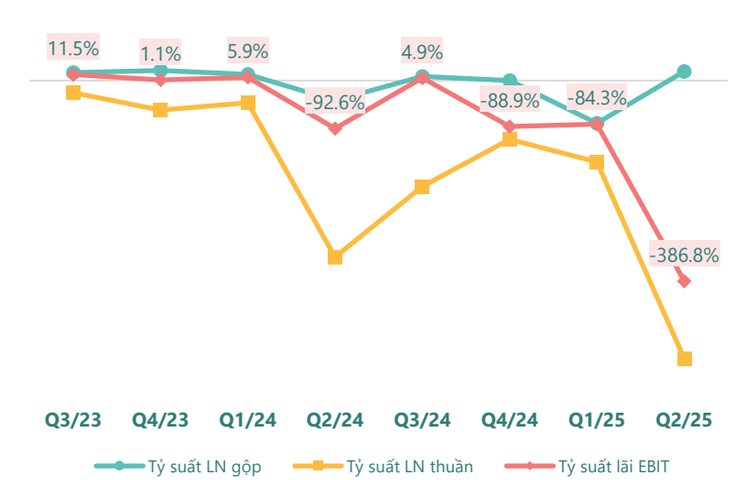
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



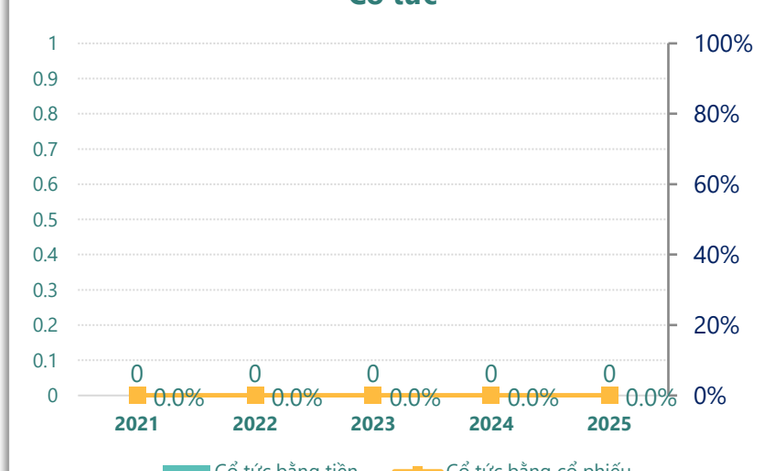
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

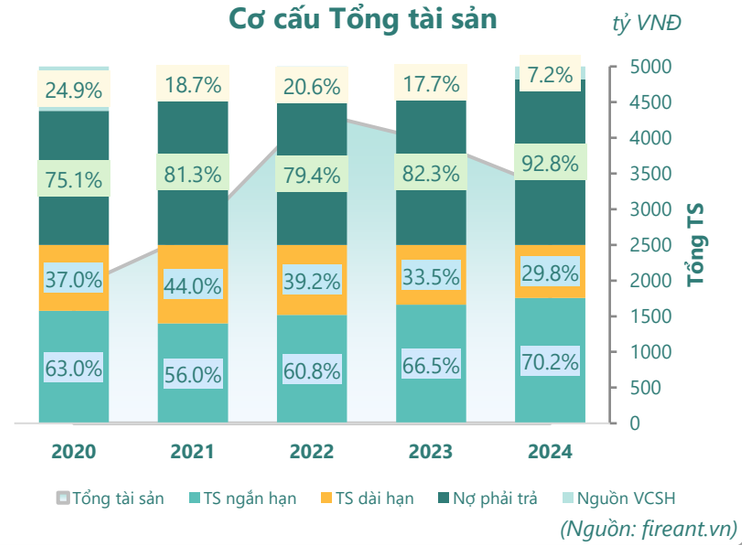
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

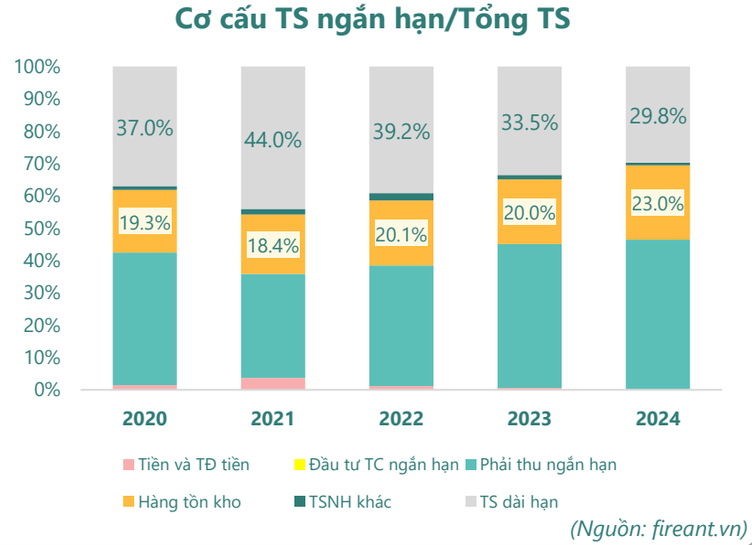
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



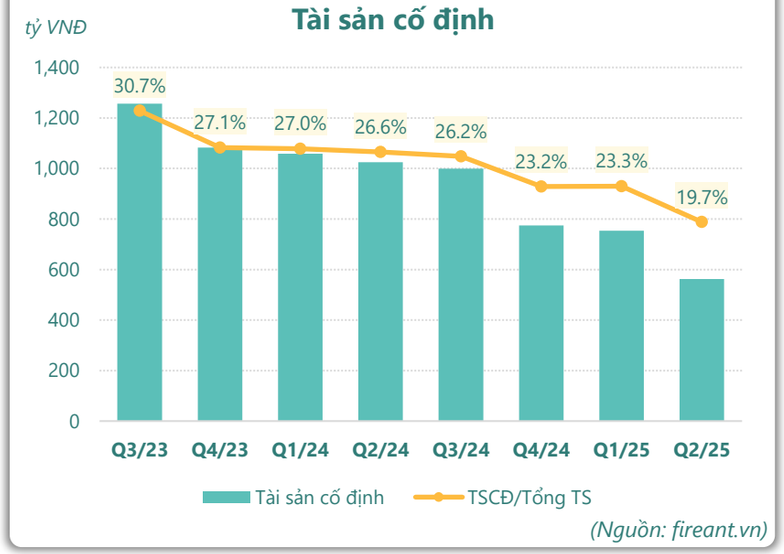
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



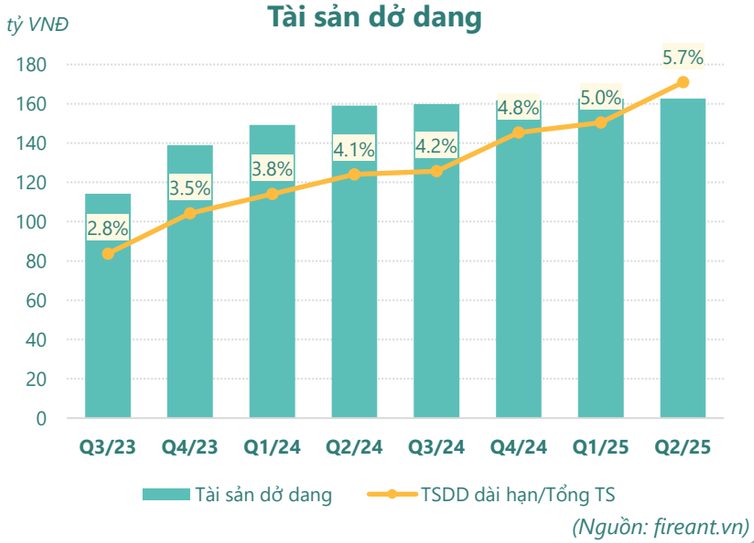
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



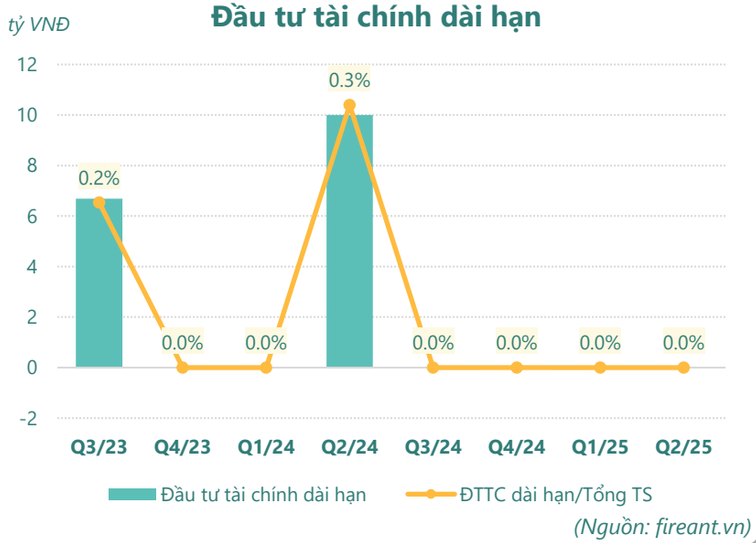
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



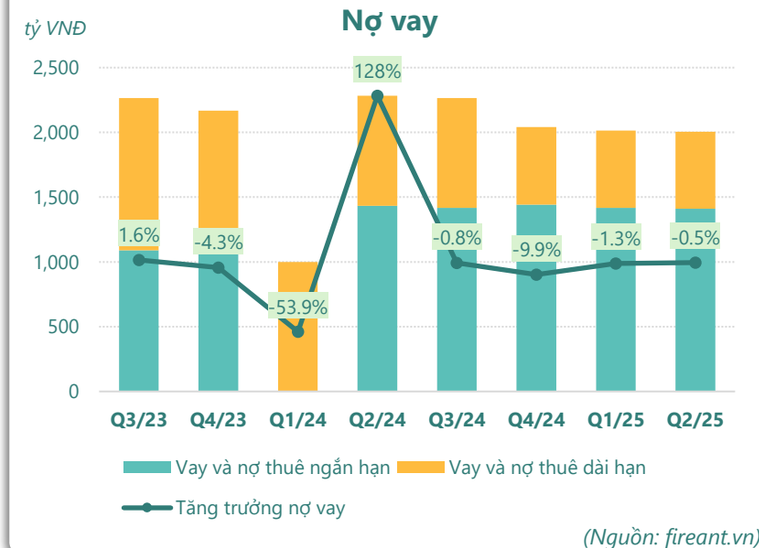
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

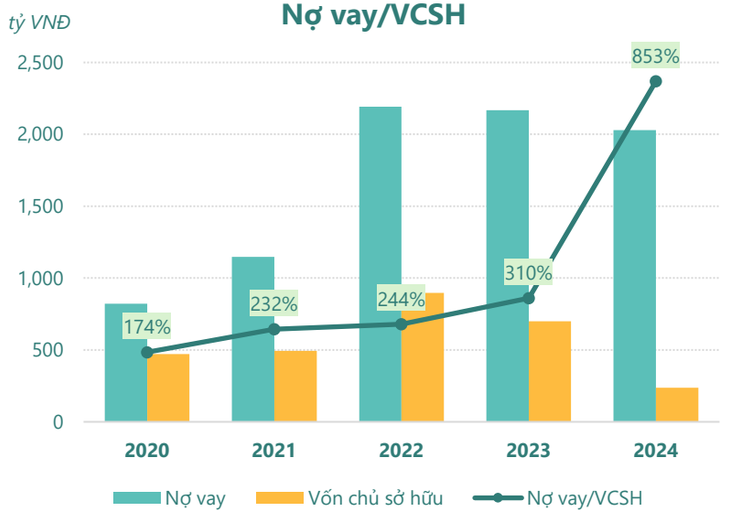
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

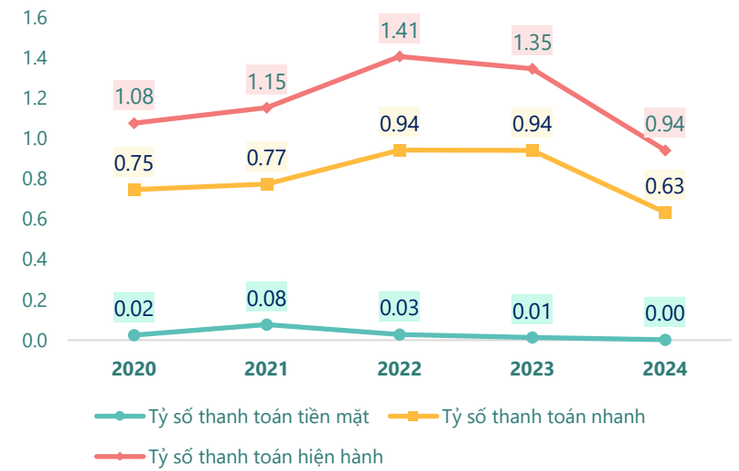
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



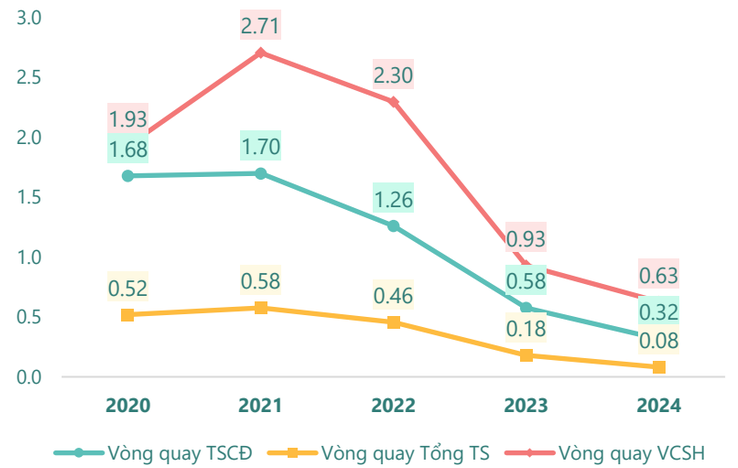
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



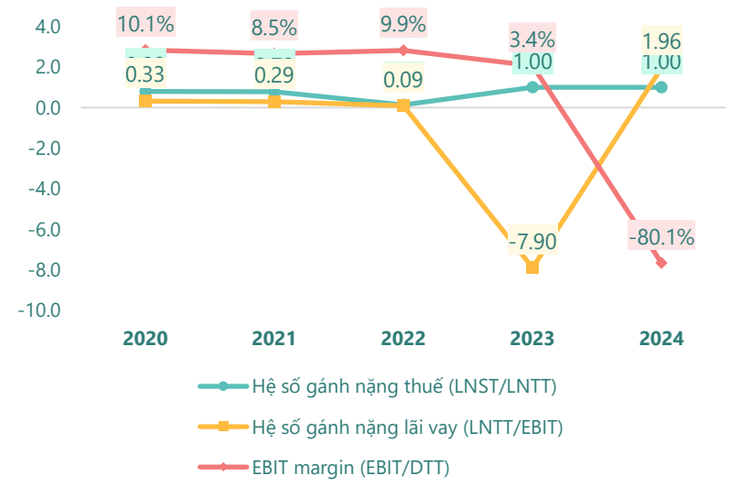
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



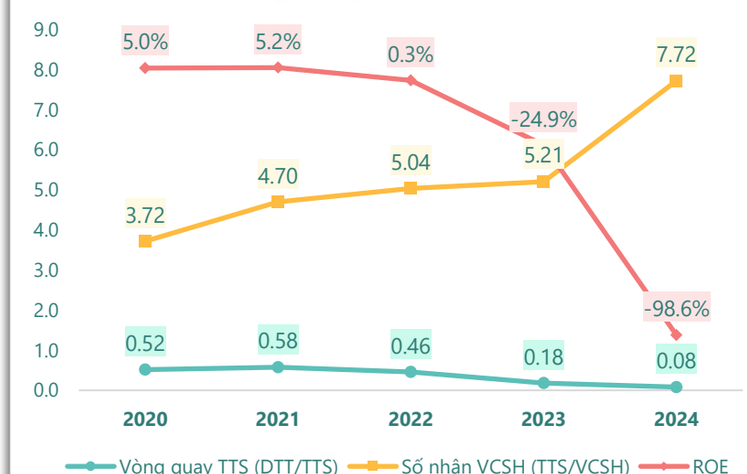
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



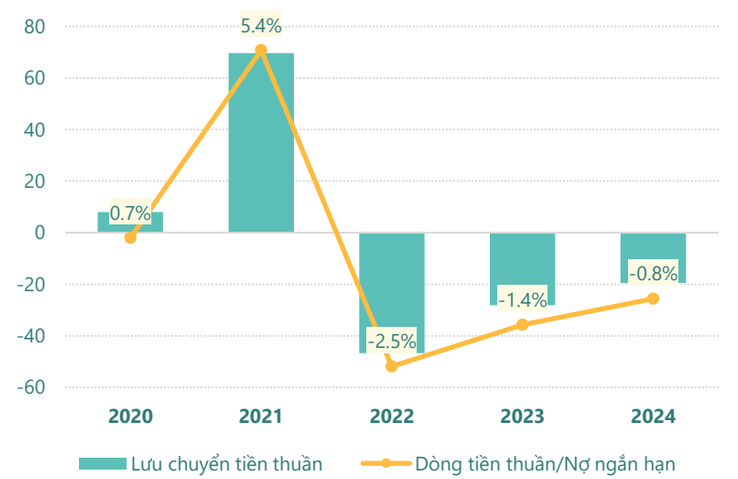
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**44.2**	**33.5**	**31.9%**	**119**	**81.5**	**45.7%**
Giá vốn hàng bán	36.6	46.3	-21.1%	172	88.7	94.3%
Lợi nhuận gộp	7.65	-12.8	160%	-53.7	-7.24	-642%
Doanh thu HĐTC	0.02	4.29	-99.5%	0.02	6.33	-99.7%
Chi phí TC	242	102	137%	296	126	135%
Chi phí lãi vay	32.5	82.9	-60.8%	86.5	107	-19.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.92**	**3.42**	**-14.6%**	**4.65**	**7.49**	**-37.9%**
LN thuần từ HĐKD	-237	-114	-108%	-354	-134	-164%
Lợi nhuận khác	**33.6**	**-0.02**	**168127%**	**33.9**	**-0.73**	**4761%**
LN trước thuế	-203	-114	-78.5%	-320	-135	-137%
Lợi nhuận sau thuế	**-203**	**-114**	**-78.5%**	**-320**	**-135**	**-137%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-203**	**-114**	**-78.5%**	**-320**	**-135**	**-137%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	56.8	-165	0.33	-150	12.3	-13.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.01	-7.47	0.41	155	0.00	17.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-60.9	175	-18.2	-4.66	-14.6	-4.71
Tiền đầu kỳ	24.6	20.5	22.7	5.20	5.21	2.94
Lưu chuyển tiền thuần	**-4.15**	**2.18**	**-17.5**	**0.01**	**-2.27**	**-0.62**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	20.5	22.7	5.20	5.21	2.94	2.32

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,854**	**3,291**	**-13.3%**
Tài sản ngắn hạn	2,113	2,311	-8.5%
Tiền và tương đương tiền	2.32	5.21	-55.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,397	1,523	-8.3%
Hàng tồn kho	708	757	-6.5%
Tài sản ngắn hạn khác	6.44	25.6	-74.9%
Tài sản dài hạn	**741**	**980**	**-24.4%**
Phải thu dài hạn	2.29	28.3	-91.9%
Tài sản cố định	562	775	-27.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	163	162	0.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**13.4**	**15.1**	**-11.6%**
Lợi thế thương mại	0.03	0.03	-3.3%
Nợ phải trả	2,936	3,053	-3.8%
Nợ ngắn hạn	**2,338**	**2,455**	**-4.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,411	1,431	-1.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	297	519	-42.8%
Nợ dài hạn	599	599	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	595	598	-0.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-82.3**	**238**	**-135%**
Vốn chủ sở hữu	**-82.3**	**238**	**-135%**
Vốn điều lệ	800	800	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)